

Phụ lục: CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA LẤY BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư ngỏ số **3391** /DNA-TTV ngày **01/10/2026**)

Số: ; 01/10/2026; 14:40:12; +07:00

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đơn hàng số 3:	Phụ tùng bơm các loại											
1	Bơm chìm	50JYWQ25-28-4; Q=17,5m³/h; H=30m; N=4kW; Vật liệu HT200; bao gồm cổ đầu ra bơm	Cái	2						≤60 ngày			Bơm chìm D-11S1S004B
2	Bơm chìm	50WQ15-20-2.2; Q=15m³/h; H=20m; N=2.2kW; 4.7A; 2900r/min; 50Hz; IP68; Vật liệu HT200; bao gồm cổ đầu ra bơm	Cái	1						≤60 ngày			Bơm chìm D-11S1S003B
3	Bơm chìm	Q=28m³/h (Qmax=30m³/h); Hmax=35m; N=2.2kW; 220V; Họng xả D42mm; Vật liệu SUS304	Cái	1						≤60 ngày			Phục vụ công tác sửa chữa bảo dưỡng
4	Bơm chìm	Theo thông số bơm: YTB80-1; Q=6m³/h; H=6m; N=0.56kW	Cái	0						≤60 ngày			Bơm Titan A-12YH1S011
5	Bơm định lượng	GM0330PQ1MNN; Q=0-315l/h; Pmax=5bar; Động cơ 0.25kW/380V/50Hz	Cái	1						≤60 ngày			Hệ thống bơm định lượng PAC2 D-03S8S003a
6	Bơm trực vít	C22AS51JME; Q=0.03-0.3m³/h; P=500kPa	Cái	2						≤60 ngày			Thay thế bơm trực vít cho bơm chất trợ lắng ban đầu DW232 A-09YH1S010a/b
7	Bơm trực vít	NM045BY01L06B; Q=15m³/h; P=2bar	Cái	1						≤60 ngày			Thay buồng bơm PU502
8	Buồng bơm	Thông số theo bơm 4/6LRV(I)33-1800; Q=150m³/h; H=30m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm nước thải A-16YH1S022
9	Buồng bơm	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m³/h; H=48m; vật liệu Cr27	Cái	2						≤60 ngày			Thay thế buồng bơm dòng chảy bồn rửa 1 và rửa 6 A-08YH1S027a; A-08YH1S017b
10	Buồng bơm	Thông số theo bơm: 150ZJA-I-A60; Q=500m³/h; H=150m; Vật liệu Cr26	Cái	2						≤60 ngày			Bơm cấp liệu hòa tách A-05YH1S004a,d
11	Buồng bơm	Thông số theo bơm: 200ZTGM-650; Q=650 m³/h; H=35m; vật liệu Cr27	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu cyclone A-04YH1S003a
12	Buồng bơm	Thông số theo bơm: 4/6LRB(I)43; Q=150m³/h; H=43m; vật liệu Cr26	Cái	0						≤60 ngày			Bơm kiểm A-11YH1S011a
13	Buồng bơm	Thông số theo bơm: 400SS67C; Q=1500-2170m³/h; H=50m; 1480 r/ph; Vật liệu HT250	Cái	2						≤60 ngày			Bơm nước lạnh D-06S1S001b,c
14	Buồng bơm	Thông số theo bơm: SLZC100-435B; Q=220m³/h; H=50m; Vật liệu Cr28	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù A-16YH1S002
15	Buồng bơm	Thông số theo bơm: SLZC150-630; Q=495m³/h; H=65m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù mầm thô A-13YH1S026b

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
16	Buồng bơm	Thông số theo bơm: SLZC200-630; Q=750m3/h; H=55m; Vật liệu vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu tách cát A-06YH1S007a
17	Cánh bơm	Thông số theo bơm: 100LNM; Q=150m3/h; H=30m; vật liệu Cr27	Cái	1						≤60 ngày			Thay thế cánh bơm cho bơm nước thải A-08YH1S012d
18	Cánh bơm	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m3/h; H=48m; vật liệu Cr27	Cái	2						≤60 ngày			Thay thế buồng bơm dòng đáy bồn rửa 1 và rửa 6 A-08YH1S023a; A-08YH1S025b
19	Cánh bơm	Thông số theo bơm: 150ZJA-I-A60; Q=500m3/h; H=150m; Vật liệu Cr26	Cái	2						≤60 ngày			Bơm cấp liệu hòa tách A-05YH1S004a,c
20	Cánh bơm	Thông số theo bơm: 200ZTGM-650; Q=650 m3/h; H=35m, vật liệu Cr27	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu cyclone A-04YH1S003a
21	Cánh bơm	Thông số theo bơm: 400SS67C; Q=2170m3/h; H=50m, Vật liệu SUS316	Cái	2						≤60 ngày			Bơm nước lạnh D-06S1S001b,c
22	Cánh bơm	Thông số theo bơm: MP300.250.500; Q=700 m3/h; H=65m; Vật liệu Duplex 2205	Cái	2						≤60 ngày			Bơm dung dịch thô A-11YH1S002a,c
23	Cánh bơm	Thông số theo bơm: SLZC100-435B; Q=220m3/h; H=50m; Vật liệu Cr28	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù A-16YH1S002
24	Cánh bơm	Thông số theo bơm: SLZC150-630; Q=495m3/h H=65m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù mầm thô A-13YH1S026c
25	Cánh bơm	Thông số theo bơm: SLZC200-630; Q=750m3/h; H=55m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu tách cát A-06YH1S007a
26	Cổ đầu ra bơm	Ø197xØ285xØ340x190mm; Lắp đặt cho bơm SLZC150-630; Q=495m3/h H=65m; Vật liệu Cr26	Cái	3						≤60 ngày			Bơm huyền phù mầm thô A-13YH1S026a,b,c
27	Cổ đầu ra bơm	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m3/h; H=48m; vật liệu Cr27	Cái	2						≤60 ngày			Thay thế cổ đầu ra bơm dòng đáy bồn rửa 5 và bồn rửa 6 A-08YH1S025b; A-08YH1S027a
28	Cổ đầu ra bơm	Thông số theo bơm: 150ZJA-I-A60; Q=500m3/h; H=150m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu hòa tách A-05YH1S004b
29	Cổ đầu ra bơm	Thông số theo bơm: 200ZTGM-650; Q=650 m3/h; H=35m; vật liệu Cr27	Cái	2						≤60 ngày			Bơm cấp liệu cyclone A-04YH1S003a,e
30	Đầu bơm	MP250.200.250; Q=260-380m3/h; H=24m; Vật liệu Duplex 2205	Cái	1						≤60 ngày			Bơm qua liệu cấp 4 A-15YH1S028
31	Đầu bơm	Q=300m3/h, H=120m; bao gồm cánh bơm, buồng bơm, mặt gương, bộ làm kín, gối đỡ; Vật liệu: Thân bơm (Cr26), cánh bơm (SUS304), trục (3Cr13); làm kín bằng phốt cơ khí; XZA100-315A	Cái	1						≤60 ngày			Thay thế phụ tùng bơm cho bơm thu hồi nước kiểm E-01S6S004d
32	Đoạn nối cổ đầu ra bơm	Thông số theo bơm: 150ZJA-I-A60; Q=500m3/h; H=150m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu hòa tách A-05YH1S004b

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
33	Gối đỡ bơm	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m³/h; H=48m; vật liệu HT200; bao gồm vòng bi+gối đỡ trực+trục bơm lắp đặt hoàn thiện	Bộ	1						≤60 ngày			Thay thế gối đỡ bơm dòng chảy bồn dự phòng A-08YH1S016b
34	Gối đỡ bơm	Thông số theo bơm: 150ZXV-900-TL-1700; Q=400m³/h; H=25m; vật liệu HT200 (phần gối bơm bao gồm vỏ gối, trục bơm, khớp nối, vòng bi gối trục 352226x2 LYC; NU 2224 ECML)	Bộ	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu trao đổi nhiệt trung gian A-13YH1S009g
35	Gối đỡ bơm	Thông số theo bơm: 8/10LRB(I)85B; Q=335m³/h; H=76m; Vật liệu HT200; bao gồm vỏ gối, trục bơm, khớp nối, vòng bi gối trục (7319 BECBM; 22220 E)	Bộ	1						≤60 ngày			Bơm dung dịch tinh A-13YH1S013a
36	Mặt bích chèn tết bơm	Ø81x168x30.5mm; Vật liệu SKD11; bơm 4/6LRV(1)33-1800, Q=150m³/h, H=30m	Cái	1						≤60 ngày			Bơm nước thải A-16YH1S022
37	Mặt gương bơm	Thông số theo bơm 4/6LRV(1)33-1800, P=37Kw, Q=150m³/h, n=1475rpm, Cột áp 30m; Vật liệu KmTB Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm nước thải A-16YH1S022
38	Mặt gương sau	SLZC100-435B; Q=220m³/h; H=50m; Vật liệu KmTB Cr28	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù A-16YH1S002
39	Mặt gương sau	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m³/h; H=48m; vật liệu Cr27	Cái	2						≤60 ngày			Thay thế mặt gương trước và mặt gương sau bơm dòng chảy bồn rửa 1 và rửa 6 A-08YH1S017b; A-08YH1S027b
40	Mặt gương sau	Thông số theo bơm: 150ZJA-I-A60; Q=500m³/h; H=150m; Vật liệu KmTB Cr26	Cái	2						≤60 ngày			Bơm cấp liệu hòa tách A-05YH1S004a,d
41	Mặt gương sau	Thông số theo bơm: 200ZTGM-650; Q=650 m³/h; H=35m, vật liệu Cr27	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu cyclone A-04YH1S003a
42	Mặt gương sau	Thông số theo bơm: SLZC150-630; Q=495m³/h H=65m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù mầm thô A-13YH1S026c
43	Mặt gương sau	Thông số theo bơm: SLZC200-630; 750m³/h; H=55m; Vật liệu KmTB Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu tách cát A-06YH1S007a
44	Mặt gương trước	SLZC100-435B; Q=220m³/h; H=50m; Vật liệu KmTB Cr28	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù A-16YH1S002
45	Mặt gương trước	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m³/h; H=48m; vật liệu Cr27	Cái	2						≤60 ngày			Thay thế mặt gương trước và mặt gương sau bơm dòng chảy bồn rửa 1 và rửa 6 A-08YH1S017b; A-08YH1S027b
46	Mặt gương trước	Thông số theo bơm: 150ZJA-I-A60; Q=500m³/h; H=150m; Vật liệu KmTB Cr26	Cái	2						≤60 ngày			Bơm cấp liệu hòa tách A-05YH1S004a,d

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
47	Mặt gương trước	Thông số theo bơm: 200ZTGM-650; Q=650 m3/h; H=35m, vật liệu Cr27	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu cyclone A-04YH1S003a
48	Mặt gương trước	Thông số theo bơm: SLZC150-630; Q=495m3/h H=65m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm huyền phù mầm thô A-13YH1S026c
49	Mặt gương trước	Thông số theo bơm: SLZC200-630; 750m3/h; H=55m; Vật liệu KmTB Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu tách cát A-06YH1S007a
50	Nắp lắp bộ làm kín	Thông số theo bơm: 150ZJA-I-A60; Q=500m3/h; H=150m; Vật liệu Cr27	Cái	4						≤60 ngày			Bơm cấp liệu hòa tách A-05YH1S004(a~d)
51	Nắp lắp bộ làm kín	Thông số theo bơm: 200ZTGM-650; Q=650 m3/h; H=35m, vật liệu Cr27	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu cyclone A-04YH1S003a
52	Nắp lắp bộ làm kín	Thông số theo bơm: HM250; Q=700m3/h; H=65m; Vật liệu: Cr27	Cái	1						≤60 ngày			Thay nắp lắp bộ làm kín bơm bùn bể cô đặc PU602
53	Nắp lắp bộ làm kín	Thông số theo bơm: SLZC200-630; Q=750m3/h; H=55m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu tách cát A-06YH1S007a
54	Vỏ buồng bơm	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m3/h; H=48m; vật liệu HT200	Cái	1						≤60 ngày			Thay thế vỏ buồng bơm cho bơm dòng đáy bồn dự phòng A-08YH1S016a
55	Vỏ buồng bơm	Thông số theo bơm: 200ZTGM-650; Q=650 m3/h; H=35m, vật liệu Cr27	Bộ	1						≤60 ngày			Bơm cấp liệu cyclone A-04YH1S003a
56	Vòng căn	Thông số theo bơm: SKD 125-335; vật liệu SS304; Bộ bao gồm 2 cái	Bộ	1						≤60 ngày			Thay thế vòng căn bơm nước kiểm khoang số 2 hồ bùn đỏ E-01S6S001a
57	Nắp chặn sau bơm	Thông số theo bơm: 3/4LRB(I)32; Q =84.2m3/h; H=31m; Vật liệu Cr26	Cái	1						≤60 ngày			Bơm dung dịch sau lọc A-14YH2S005d
58	Khớp nối bơm-động cơ	Thông số theo bơm: XZA100-315A; Q=300m3/h; H=120m; vật liệu HT200	Bộ	1						≤60 ngày			Thay thế phụ tùng bơm cho bơm thu hồi nước kiểm E-01S6S004d
59	Gạt băng thứ cấp B650	JWCU-065; lưỡi nguyên khối Tungsten+cao su	Cái	2						≤60 ngày			Thay lưỡi gạt Băng tải NC.01.BC401, BC701
60	Khớp nối bơm-động cơ	Thông số theo bơm: 100ZTGM-B420G; Q=190m3/h; H=48m, Kích thước: Ø220xØ112x135mm; Ø220xØ100x100mm, Vật liệu HT200	Bộ	2						≤60 ngày			Thay thế khớp nối bơm dòng đáy bồn rửa 6 A-08YH1S027a/b
61	Khớp nối bơm-động cơ	Thông số theo bơm: 150MP-34, Q=280m3/h, H=34m; kích thước Ø220xØ122x140mm: Ø220xØ95x110mm, vật liệu HT200	Bộ	1						≤60 ngày			Thay thế khớp nối bơm dòng tràn bồn rửa 1 A-08YH1S018c
62	Khớp nối bơm-động cơ	Thông số theo bơm: 150MP-45. Q=280m3/h, H=48m, Vật liệu HT200; kích thước Ø112xØ240x105mm; Ø125xØ240x145mm	Bộ	2						≤60 ngày			Thay thế khớp nối bơm dòng tràn bồn rửa 2 và rửa 3 A-08YH1S020b; A-08YH1S024a
	Tổng cộng												